TÒA ÁN NHÂN DÂNCẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **93**/2018/HC-PT
Ngày: 05/6/2018
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến
Các thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm
Ông Trương Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đình Vân Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Nguyễn Xuân Thanh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 5 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 96/2017/TLPT-HC ngày 28 tháng 11 năm 2017 về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 84/2017/HC-ST ngày 30/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96A/2018/QĐ - PT ngày 18 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: **Bà Nguyễn Thị L**, sinh năm 1950.
Địa chỉ: 113/5 đường L, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; Có mặt.

***2. Người bị kiện*: Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.**
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Ngọc A - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam (Văn bản ủy quyền số 99/GUQ-UBND ngày 03/8/2017); Vắng mặt.

3. Người kháng cáo: Người khởi kiện, bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện trình bày:

Ngày 04/4/2017, bà Nguyễn Thị L có đơn khiếu nại, đề nghị Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố T xem xét lại Công văn số 917/UBND-VP ngày 07/6/2016 và cấp Giấy chúng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với diện tích đất còn lại của thửa số 34, tờ bản đồ số 27 với diện tích khoảng 50m^2; với lý do cho rằng thửa đất số 34, tờ bản đồ số 27, diện tích khoảng 100m^2 có nguồn gốc là do hộ bà L khai hoang từ năm 1983 để làm phòng tắm, bếp, chuồng trại chăn nuôi heo và trồng rau. Năm 2000, bà L bán cho ông Trần A1 khoảng 50m^2 (phần diện tích đất có chuồng heo). Hộ bà L tiếp tục sử dụng phần diện tích 50m^2 còn lại, có giếng nước, phòng tắm và bếp; đến năm 2002 khi sửa chữa, cải tạo phòng tắm, bếp thành phòng ở, thì UBND phường A có đến kiểm tra. Các hộ dân là cán bộ lão thành cách mạng sống lân cận thửa đất số 34, tờ bản đồ số 27 xác nhận bà L sử dụng thửa đất này từ năm 1983 đến nay. Ngày 08/6/2017, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 7896/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại, không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của bà L.

Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 7896/QĐ-UBND ngày 08/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T.

Người đại diện người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng đã có văn bản trình bày ý kiên và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Quyết định số 7896/QĐ-UBND ngày 08/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T và Công văn số 917/UBND-VP ngày 07/6/2016 của UBND thành phố T được ban hành đúng quy định của pháp luật. Bà L không được cấp GCNQSDĐ vì những lý do sau:

Bà L không cung cấp được giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Căn cứ hồ sơ địa chính lập theo Chỉ thị 299/TTg thì phần diện tích đất mà bà L đề nghị cấp GCNQSDĐ thuộc thửa số 65, tờ bản đồ số 02 có diện tích 54.515m^2 là đất doanh trại quân đội. Theo hồ sơ địa chính lập theo Nghị định 60/CP là thửa đất số 34, tờ bản đồ số 27, diện tích 101,3m^2, loại đất rừng trồng sản xuất do UBND phường A quản lý. Theo hồ sơ khai thác quỹ đất tại khu dân cư 44 căn, phường A được lập năm 2000 thì phần diện tích đất này nằm trong vệt khai thác quỹ đất. Hộ bà L tự ý sử dụng, xây dựng nhà ở trên đất do UBND phường A quản lý khi chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép. Việc xây dựng, sữa chữa nhà của bà Nguyễn Thị L đã bị UBND phường A xử lý vi phạm hành chính tại Quyết định số 235/QĐ-UB ngày 13/8/2002 và Quyết định số 170/QĐXP-CT ngày 26/4/2006. Qua kiểm tra thực tế thì vị trí khu đất mà bà L đề nghị cấp GCNQSDĐ nằm án ngữ trước mặt tiền lô đất Bl, tờ bản đồ số 1133/2000-ĐC, tại khu dân cư 44 căn phường A mà UBND tỉnh Quảng Nam đã cấp GCNQSDĐ số N462527 ngày 13/11/2000 cho ông Nguyễn H (nay đã chuyển

nhượng lại cho hộ ông Nguyễn Tấn K), làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Tấn K.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 84/2017/HC-ST ngày 30/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ Điều 32, khoản 1 Điều 158, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 100, Điều 101 của Luật Đất đai năm 2013:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 7896/QĐ-UBND ngày 08-6-2017 của Chủ tịch ỦY ban nhân dân thành phố T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2017 người khởi kiện (bà Nguyễn Thị L) kháng cáo cho rằng: Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2017/HC-ST ngày 30/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam không chấp nhận đơn khởi kiện của Bà để hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 7896/QĐ-UBND ngày 08/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T là trái ngược với thực tế, không đúng quy định của pháp luật trên cùng một thửa đất làm thiệt hại đến quyền lợi của Bà.

Tại phiên tòa, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên.

Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2017/HC-ST ngày 30/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 29/3/2018, ông Bùi Ngọc A đại diện UBND thành phố T có đơn xin hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, UBND thành phố T đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt. Bà Nguyễn Thị L là người khởi kiện cũng là người kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án không có mặt của người bị khởi kiện. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt người bị kiện vì đây là phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 225 Bộ luật tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người bị kiện.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện (bà Nguyễn Thị L) yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 7896/QĐ-UBND ngày 08/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T không chấp nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 50m^2 đất tại thửa số 34, tờ bản đồ 27 cho Bà là không đúng thì thấy:

[2.1] Trong vụ án này bà L yêu cầu được cấp GCNQSD đất đối với phần diện tích đất còn lại thuộc thửa số 34, tờ bản đồ số 27 có diện tích khoảng 100m^2. Về nguồn gốc sử dụng đất: Bà L cho rằng diện tích đất này bà L khai hoang từ năm 1983 để làm phòng tắm, bếp, chuồng trại chăn nuôi heo và trồng rau. Năm 2000 bà L đã chuyển nhượng cho ông Trần A1 khoảng 50m^2 (phần diện tích đất có chuồng heo) diện tích đất còn lại đề nghị cấp GCNQSDĐ khoảng 50m^2.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 7896/QĐ-UBND ngày 08/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T đã xác định lý do không cấp GCNQSDĐ cho bà L là : "*trường hợp sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị L đối với phần diện tích đất tại thửa số 34, tờ bản đồ số 27, phường A là không đủ điều kiện để được cấp Giấy CNQSD đất do không có các loại giấy tờ quy định tại Điều 100, 101 Luật đất đai năm 2013 và Điều 19, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013*". Xét các căn cứ không cấp GCNQSDĐ cho bà L được trích dẫn ở trên thì thấy: Bà L thừa nhận diện tích đất Bà đang sử dụng nói trên do Bà khai hoang nên bà L không có một trong các loại giấy tờ được quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013 là đúng với thực tế; như vậy trường hợp của bà L chỉ được cấp GCNQSDĐ nếu có đủ điều kiện được quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013 nhưng diện tích đất bà L đang sử dụng không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất tại khu vực này. Diện tích đất của bà L nằm trong quy hoạch đường bê tông và phía trước lô đất đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Tấn K nên UBND thành phố T không cấp GCNQSDĐ cho bà L là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 100 và khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013.

[2.2] Theo Báo cáo số 113/BC-UBND ngày 20/9/2017 của UBND phường A (BL 149) và Công văn số 2081/UBND-TNMT ngày 29/9/2017 của UBND thành phố T (BL 148) đều thừa nhận bà L đã chuyển nhượng cho ông Trần A1 một phần diện tích trong thửa đất số 34, tờ bản đồ số 27; UBND thành phố T cũng đã cấp GCNQSDĐ cho ông Trần A1 trong đó có phần diện tích nhận chuyển nhượng của bà L. Vì vậy, diện tích đất, tài sản trên đất còn lại của bà L tuy không đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ như đã nhận định ở trên nhưng sẽ được giải quyết khi UBND thành phố T thu hồi phần diện tích đất này.

[3] Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2017/HC-ST ngày 30/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc hủy Quyết định số 7896/QĐ-UBND ngày 08/6/201/7của Chủ tịch UBND thành phố T là có căn cứ, đúng với quy định tại Điều 100 và khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị L kháng cáo yêu cầu được xem xét lại quyết định của Bản án sơ thẩm nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của bà Trần Thị L, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2017/HC-ST ngày 30/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[4] Do bị bác đơn kháng cáo nên bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, nhưng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, bà L được miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Bác đơn kháng cáo của bà Trần Thị L. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 84/2017/HC-ST ngày 30/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Áp dụng Điều 100, khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 7896/QĐ-UBND ngày 08/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

2. Án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm:

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Miễn nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND,VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến